TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **77**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2019
V/v: tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nghệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thế Quế
2. Bà Trương Thị Bích Hiệp

Thư ký phiên toà: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Qùy, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2019/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "nuôi con, chia tài sản của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khối Th, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khối Th, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khối Th, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn lập ngày 09/01/2019 và tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 2001, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Từ khi chị và anh Tr về sống chung với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hòa hợp được. Mỗi lần đi uống rượu về là anh Tr lại kiếm chuyện đánh và chửi bới chị và ngày càng vũ phu hơn. Ngoài ra, anh Tr còn chửi bới xúc phạm bố mẹ đẻ của chị. Nhiều năm qua, chị đã cố gắng chịu đựng để mong anh Tr thay đổi tính nết, nhưng không được. Xét thấy giữa chị và anh Tr không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr có 01 con chung là Nguyễn Thị Tiểu B, sinh ngày 06/02/2002. Chị Th yêu cầu được giao nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà xây lợp ngói 2 gian (làm trên đất mang tên ông Nguyễn Tiến H) có giá trị là 181.000.000,đ; 01 nhà bếp và công trình vệ sinh có giá trị là: 66.600.000,đ; 01 dàn mát lợp tôn có giá trị là: 9.600.000,đ; 01 máy giặt nhãn hiệu Panasonic có giá trị là 2.500.000,đ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sanyo có giá trị là 1.500.000,đ; 01 ty vi nhãn hiệu Sony có giá trị là 8.000.000,đ; 01 xe máy SH biển kiểm soát 37H1- 228.23 mang tên Nguyễn Thị Th có giá trị là: 35.000.000,đ; 01 xe máy nhãn hiệu DREAM biển kiểm soát 37N3-8546 đăng ký mang tên Nguyễn Văn Tr có giá trị là: 3.000.000,đ; 01 tủ nhôm kính có giá trị 1.000.000,đ; 01 tủ gỗ 3 buồng có giá trị là: 2.000.000,đ; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ có giá trị là 9.000.000,đ. Tổng giá trị tài sản là: 319.200.000,đ.

Chị Th yêu cầu được giao ngôi nhà, đất trả lại ông Nguyễn Tiến H và giao 01 xe máy SH để đi lại, các tài sản khác chia theo quy định.

Về nợ chung: Chị Th xác định không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày: Giữa anh và chị Th tổ chức cưới vào năm 2001, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thỉnh thoảng anh, chị có cãi cọ lẫn nhau. Hiện nay, tuy anh và chị Th đang sống chung trong nhà nhưng ăn uống, sinh hoạt đều riêng. Anh và chị Th đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Việc chị Th làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí chứ anh không muốn ép buộc để sống chung.

Về con chung: Anh Tr xác nhận như chị Th khai, anh, chị có 01 người con chung là Nguyễn Thị Tiểu B, sinh năm 2002. Nếu ly hôn con ở với ai thì tùy theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Anh Tr xác nhận đúng như chị Th khai và nhất trí như biên bản định giá tài sản lập ngày 19/3/2019, anh Tr yêu cầu được chia trị giá bằng tiền.

Về nợ chung: Anh Tr xác nhận không có nợ chung.

Ý kiến của ông Nguyễn Tiến H: Nhà ở, nhà bếp, công trình vệ sinh, dàn mát của chị Th và anh Tr hiện nay đang làm trên đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S900640, do Ủy ban nhân dân huyện Quỳ Hợp cấp ngày 20/02/2002 mang tên Nguyễn Tiến H), địa chỉ: Tại khối 9 (Hợp Thái), thị trấn Quỳ Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An. Ông chỉ cho mượn để làm nhà ở chứ không làm thủ tục tặng cho. Chị Th và anh Tr ly hôn, ông yêu cầu được trả lại diện tích đất đó.

Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp tại phiên tòa:

Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 14, 15, 16 khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 2, 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 của UBTVQH năm 2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr.

Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Tiểu B, sinh ngày 06/02/2002 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Tr.

Về tài sản: Giao cho chị Th có quyền sở hữu 01 ngôi nhà xây lợp ngói 2 gian trị giá 181.000.000,đ; 01 nhà bếp và công trình vệ sinh có giá trị là: 66.600.000,đ; 01 dàn mát lợp tôn có giá trị là: 9.600.000,đ; 01 máy giặt nhãn hiệu Panasonic có giá trị là 2.500.000,đ; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sanyo có giá trị 1.500.000,đ; 01 tủ nhôm kính có giá trị 1.000.000,đ; 01 xe máy SH biển kiểm soát 37H1- 228.23 mang tên Nguyễn Thị Th có giá trị là: 35.000.000,đ. Buộc chị Th phải trả tiền chênh lệch về tài sản cho anh Tr là 137.600.000,đ.

Giao cho anh Tr những tài sản gồm: 01 xe máy Dream có giá trị 3.000.000,đ; 01 ty vi nhãn hiệu Sony có giá trị 8.000.000,đ; 01 tủ gỗ có giá trị 2.000.000,đ; 01 bộ bàn ghế có giá trị 9.000.000,đ và số tiền chênh lệch tài sản do chị Th trả là 137.600.000, tổng giá trị tài sản anh Tr được hưởng là 159.600.000,đ.

Đối với giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Nguyễn Tiến H chị Th và anh Tr xây nhà trên đó, xác định đây là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tiến H (là bố đẻ của chị Th), do đó chỉ phân chia tài sản trên đất chứ không phân chia tài sản là quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Tiến H.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và án phí chia tài sản theo quy định. Anh Tr phải chịu tiền án phí chia tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr sống chung với nhau như vợ chồng năm 2001, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó, vụ án này được xác định là "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn", theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, khoản 1 Điều 9 khoản 1 Điều 14, 15, 16 khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình để xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Tr.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Tr có một người con chung là Nguyễn Thị Tiểu B, sinh ngày 06/02/2002. Xét theo nguyện vọng của cháu B xin được ở với mẹ. Do đó, cần giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tr.

[4] Về tài sản chung: Tài sản chung của anh chị có tổng giá trị là 319.200.000,đ. Trong đó, nhà ở, nhà bếp, công trình vệ sinh, dàn mát không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đang làm trên đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Tiến H (là bố đẻ của chị Th). Ý kiến của chị Th yêu cầu được giao sở hữu ngôi nhà, đất trả lại cho ông H. Ý kiến của anh Tr đề nghị được chia giá trị tài sản bằng tiền. Ý kiến của ông H yêu cầu được trả lại đất. Qua xem xét ý kiến của các bên và căn cứ vào kết quả định giá tài sản lập ngày 19/3/2019, thì cần cân đối để phân chia tài sản như sau: Giao cho chị Th có quyền sở hữu 01 ngôi nhà xây lợp ngói 2 gian trị giá 181.000.000,đ; 01 nhà bếp và công trình vệ sinh có giá trị là: 66.600.000,đ; 01 dàn mát lợp tôn có giá trị là: 9.600.000,đ (Nhà ở, nhà bếp, công

trình vệ sinh, dàn mát làm trên đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S900640, do Ủy ban nhân dân huyện Quỳ Hợp cấp ngày 20/02/2002 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Tiến H), địa chỉ: Tại khối 9 (Hợp Thái), thị trấn Quỳ Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An). Do đó, chỉ giao nhà cho chị Th chứ không giao đất gắn với nhà ở); 01 máy giặt nhãn hiệu Panasonic có giá trị là 2.500.000,đ; 01 xe máy SH biển kiểm soát 37H1- 228.23 mang tên Nguyễn Thị Th có giá trị là: 35.000.000,đ. Tổng giá trị tài sản chị Th được hưởng là 297.200.000,đ.

Giao cho anh Trí những tài sản gồm: 01 xe máy dream có giá trị 3.000.000,đ; 01 ty vi nhãn hiệu Sony có giá trị 8.000.000,đ; 01 tủ gỗ có giá trị 2.000.000,đ; 01 bộ bàn ghế có giá trị 9.000.000,đ. Tổng tổng cộng là: 22.000.000,đ.

Buộc chị Th phải trả tiền chênh lệch về tài sản cho anh Trí là 137.600.000,đ. Như vậy, tổng giá trị tài sản anh Tr được hưởng là: 159.600.000,đ.

Tổng giá trị tài sản còn lại chị Th được hưởng là: 159.600.000,đ.

[5] Về chi phí định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí định giá tài sản là 1.200.000,đ. Số tiền này chị Th đã nộp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc anh Tr phải hoàn trả cho chị Th số tiền là 600.000,đ (Sáu trăm ngàn đồng).

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí chia tài sản. Anh Tr phải chịu án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, khoản 1 Điều 9 khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16 khoản 2 điều 53, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr.

[2] Về con chung: Giao Nguyễn Thị Tiểu B, sinh ngày 06/02/2002 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tr. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản chung:

- Giao cho chị Th có quyền sở hữu: 01 ngôi nhà xây lợp ngói 2 gian (01 lồi, đổ via) có giá trị: 181.000.000,đ; 01 nhà bếp và công trình vệ sinh có giá trị là 66.600.000,đ; 01 dàn mát lợp tôn có giá trị là: 9.600.000,đ (không giao đất gắn liền với nhà); 01 máy giặt nhãn hiệu Panasonic có giá trị là: 2.500.000,đ; 01 tủ nhôm kính 2m x 1,55m có giá trị 1.000.000,đ; 01 xe máy SH mode nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 37H1- 228.23, đăng ký mang tên Nguyễn Thị Th, có giá trị: 35.000.000,đ, 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sanyo có giá trị 1.500.000,đ. Tổng giá trị tài sản chị Th được hưởng là: 297.200.000,đ (Hai trăm chín mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

- Giao cho anh Nguyễn Văn Tr có quyền sở hữu: 01 xe máy nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 37N3- 8546 đăng ký mang tên Nguyễn Văn Tr có giá trị 3.000.000,đ; 01 tủ gỗ 3 buồng có giá trị 2.000.000,đ; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ lát (gồm 01 ghế dài và 02 ghế đơn) có giá trị là 9.000.000,đ; 01 ty vi nhãn hiệu Sony 50inch có giá trị 8.000.000,đ. Tổng cộng là: 22.000.000,đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả chênh lệch về tài sản cho anh Nguyễn Văn Tr số tiền là 137.600.000,đ (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản anh Tr được hưởng là: 159.600.000,đ (Một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản còn lại chị Th được hưởng là: 159.600.000,đ.

Buộc anh Nguyễn Văn Tr phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền chi phí định giá là 600.000,đ (Sáu trăm ngàn đồng).

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và tiền án phí chia tài sản là: 7.980.000,đ (Bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Được khấu trừ do đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.987.500,đ (Một triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng), theo biên lai số: 0007219, ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An. Số tiền án phí chị Th còn phải nộp là: 6.292.500,đ (Sáu triệu hai trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu tiền án là 7.980.000,đ (Bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền trả chênh lệch về tài sản) cho đến khi thi hành án xong, chị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Cao Thị Nghệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳ Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.